

Bản án số: 49/2018/HS-ST
Ngày: 29-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Trung Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nghiêm Văn Luyến.

Bà Dương Thị Thắm.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:*** Bà Mai Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Trịnh Anh T, sinh ngày 24 tháng 01 năm 1987 tại xã Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn 6, xã Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Tiền án: Ngày 13/7/2015 bị TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “ Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo chưa thi hành xong phần án phí), tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 08/8/2018, Trịnh Anh T bị cơ quan CSĐT công an huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa khởi tố bị can về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 171 BLHS; con ông Trịnh Xuân T và bà Nguyễn Thị L. Gia đình có 5 người con, bị cáo là con thứ 4; có vợ là Trần Thị Ch và có 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016); Bị cáo bị tạm giữ tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa từ ngày 03/7/2018 đến nay; có mặt.

- ***Bị hại:*** Cháu Mai Hoàng T, sinh năm 2004. Nơi cư trú: Tiểu khu Hưng Long, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- ***Người tham gia tố tụng khác:***

+ ***Người đại diện hợp pháp cho cháu T:*** Ông Mai Xuân K, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Tiểu khu Hưng Long, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

+ ***Người đại diện hợp pháp cho cháu H:*** Bà Mai Thị V, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Xóm 5, xã M, huyện N, Thanh Hóa, vắng mặt.

+ ***Người làm chứng:***

1. Cháu Mai Quang H, sinh năm 2004. Nơi cư trú: Xóm 5, xã M, huyện N, Thanh Hóa, vắng mặt;
2. Anh Lê Văn T, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt;
3. Chị Trần Thị Ch, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn 6, xã Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06h30' ngày 02/7/2018, Trịnh Anh T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision, biển kiểm soát 36B6-440.20, chở vợ là chị Trần Thị Ch đi làm. Sau đó, T điều khiển xe mô tô đến địa bàn huyện N, tỉnh Thanh Hóa để tiếp thị bán gạch hoa. Đến khoảng 10h30' cùng ngày, khi đang điều khiển xe đi trên đường bờ Nam sông Hưng Long thuộc Tiểu khu Hưng Long, thị trấn N, tỉnh Thanh Hóa, T nhìn thấy phía trước có cháu Mai Quang H, sinh năm 2004 ở xóm 5, xã M đang điều khiển xe máy điện, chở phía sau là cháu Mai Hoàng T, sinh ngày 04/02/2004, ở Tiểu khu Hưng Long, thị trấn N, trên cổ cháu T có đeo một sợi dây chuyền bạc nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. T điều khiển xe mô tô đi theo xe máy điện của cháu H và cháu T. Đến đoạn đường vắng người, T điều khiển xe đi song song bên trái xe của cháu H và nói: “ Vừa có vụ đánh nhau trên này, chúng mày tham gia đúng không?”. Cháu T trả lời: “ Không phải”, thì T yêu cầu cháu H dừng xe lại rồi dùng tay phải, giật chiếc dây chuyền bạc trên cổ của cháu T. Lúc này, T sợ cháu H và cháu T hò la nên nói với H và T: “ Chúng mày đi theo tao để tao dẫn đến chỗ đánh nhau, nếu không phải tao trả lại”, rồi quay xe ngược lại đường cũ và yêu cầu cháu H và cháu T đi theo mình. Khi đi đến quán cà phê “Gió”, T tăng ga xe mô tô của mình rồi đột ngột rẽ trái, bỏ chạy ra đường Quốc lộ 10B, hướng về huyện L. Sau đó, T đi đến cửa hàng vàng bạc của anh Lê Văn T ở xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa bán sợi dây chuyền vừa cướp giật của cháu T. Anh T không biết đây là tài sản T phạm tội mà có nên đồng ý mua với giá 200.000đ. T đi đổ xăng hết 50.000đ, còn lại 150.000đ bỏ vào cốp xe mô tô rồi đến đón vợ đi làm về.

Đối với cháu T, sau khi bị cướp giật sợi dây chuyền, đã đến Công an huyện Nga Sơn báo cáo.

Đến 19h cùng ngày, T đến Công an xã Q, thành phố T đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình, đồng thời tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Nga Sơn 01 xe mô tô nhãn hiệu Vision, biển kiểm soát 36B6-440.20 và số tiền là 150.000đ.

Ngày 04/7/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nga Sơn đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Nga Sơn định giá số tài sản mà Anh T đã chiếm đoạt của cháu T. Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày 11/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Nga Sơn kết luận: Sợi dây chuyền nam được làm bằng bạc có trọng lượng 05 chỉ, màu trắng sáng, dạng dây chuyền mắt xích, đã qua sử dụng có giá trị.

Ngày 31/7/2018, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho cháu Mai Hoàng T 01 sợi dây chuyền bằng bạc có trọng lượng 05 chỉ. Cháu T đã nhận lại và đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với Trịnh Anh T.

Chiếc xe mô tô Vision, biển kiểm soát 36B6-440.20, T dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi cướp giật tài sản của cháu T là xe của chị Trần Thị Ch (vợ T) mua trả góp trong thời hạn từ 13/4/2018 đến 28/4/2020. Chị Ch không biết chồng mình sử dụng xe để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan CSĐT đã trả lại chiếc xe trên cho chị Ch là chủ sở hữu.

Đối với anh Lê Văn Tài, do không biết sợi dây chuyền bằng bạc trên là do Trịnh Anh T phạm tội mà có nên đã mua với giá 200.000đ. Hiện anh T đã giao nộp sợi dây chuyền bằng bạc cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Nga Sơn và không yêu cầu T phải trả lại số tiền 200.000đ.

Số tiền 150.000đ do anh T bán sợi dây chuyền bạc của cháu T mà có đã được Cơ quan CSĐT bảo quản chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 45/CT-VKSNS-TA ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Trịnh Anh T về tội: “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự (BLHS). Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm kết tội đối với bị cáo theo tội danh, điều khoản đã nêu trong cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm đối với nội dung vụ án. Sau khi phân tích, đánh giá toàn diện vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS tuyên bố bị cáo Trịnh Anh T phạm tội “Cướp giật tài sản”. Xử phạt bị cáo Trịnh Anh T từ 48 (bốn mươi tám) đến 54 (năm mươi tư) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS; điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS: Truy thu số tiền 50.000đ bị cáo đã sử dụng. Tịch thu số tiền 150.000đ do bị cáo phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của KSV, của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] HĐXX nhận thấy: Khoảng 06h30' ngày 02/7/2018, Trịnh Anh T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision, biển kiểm soát 36B6-440.20, đến huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa để tiếp thị bán gạch hoa. Khi đến đường bờ Nam sông Hưng Long thuộc Tiểu khu Hưng Long, thị trấn N, tỉnh Thanh Hóa, Trịnh Anh T thấy cháu Mai Quang H đang điều khiển xe máy điện, chở phía sau là cháu Mai Hoàng T, trên cổ cháu T có đeo một sợi dây chuyền bạc nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. T

điều khiển xe mô tô đi song song bên trái xe máy điện của cháu H và cháu T. Đến đoạn đường vắng người, T điều khiển xe đi song song bên trái cháu H và cháu T yêu cầu cháu dừng xe và dùng tay phải giật sợi dây chuyền bạc trên cổ của cháu T có giá trị 225.000đ. Sau đó Trịnh Anh T tăng ga bỏ chạy, tìm nơi tiêu thụ tài sản đã chiếm đoạt của cháu T.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, bị cáo phạm tội với trẻ em vì vậy, cần phải xử nghiêm khắc để cải tạo giáo dục răn đe bị cáo, đồng thời để có tác dụng răn đe phòng ngừa Ch.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo chịu 01 tình tiết tăng nặng TNHS là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là “người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS và khoản 2 Điều 52 là bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về nhân thân: Ngày 08/8/2018 Trịnh Anh T bị cơ quan CSĐT công an huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa khởi tố bị can về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 171 BLHS.

[5] Về hình phạt: Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng TNHS, 1 tình tiết giảm nhẹ TNHS, 01 tiền án và bị TAND huyện Yên Định xét xử về tội “Cướp giật tài sản”. Vì vậy, cần xử phạt tù, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian là phù hợp với tính chất, hành vi và nhân thân của bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc làm ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sợi dây chuyền bị cáo đã cướp giật của cháu T ngày 31/7/2018, CQĐT đã trả lại cho cháu T, cháu T đã nhận lại, không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

[7] Về vật chứng: Đối với sợi dây chuyền bạc, CQĐT đã trả lại cho bị hại. Đối với chiếc xe mô tô Vision, biển kiểm soát 36B6-440.20, bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội là xe của chị Trần Thị Ch (vợ bị cáo), chị Ch không biết chồng mình sử dụng xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên CQĐT đã trả lại cho chị Ch.

Số tiền 200.000đ do bị cáo bán sợi dây chuyền đã cướp giật, bị cáo đã dùng 50.000đ để mua xăng nên cần truy thu; số tiền 150.000đ nghỉ cần tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án.

[8] Tại phiên tòa HĐXX nhận thấy: Bản cáo trạng, quyết định truy tố và lời luận tội của VKS đối với bị cáo là phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đối với bị cáo T trước cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình gây nên, lời nói sau cùng của bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Trong hồ sơ vụ án, tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều tuân thủ theo quy

định của BLTTHS tại Điều 37 nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Điều tra viên và Điều 42 nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm sát viên.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 BLHS:

- Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Anh T phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

- Xử phạt: Bị cáo Trịnh Anh T 48 (bốn tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Truy thu số tiền 50.000đ bị cáo đã sử dụng. Tịch thu 150.000đ do bị cáo phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước theo giấy ủy nhiệm chi chuyển tiền điện tử lập ngày 02/11/2018 giữa công an huyện Nga Sơn và kho bạc nhà nước chi nhánh huyện Nga Sơn.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: bị cáo Trịnh Anh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp cho cháu T;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Nga Sơn;
- THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Trung Thu

